

Bản án số:154/2021-HSST
Ngày:01/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN - TỈNH T HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông: Mai Đình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Văn Tòng

Ông: Lê Thế Hải

- Thư ký phiên toà: Ông:Phạm Viết Chiến- Thư ký Toà án nhân dân thị xã Nghi Sơn – T Hoá.

- Đại diện VKSND thị xã Nghi Sơn tham gia phiên toà:

Ông: Phạm Xuân Thanh - chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 01/12/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn - T Hoá, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 150/2021/ HSST ngày 18/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2021/ HSST-QĐ ngày 16/11/2021 đối với các bị cáo:

1. Lê Đình T, Sinh năm 1988; tại phường C, thị xã Nghi Sơn, T Hóa;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Nam Châu, phường C, thị xã Nghi Sơn, tỉnh T Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Đình H (Đã chết) và bà: Lê Thị Tuyền; Vợ: Bùi Thị Nga; Có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 61/2019/HS-ST ngày 15/8/2019, bị TAND huyện Tĩnh Gia (*Nay là TAND thị xã Nghi Sơn*) xử phạt 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy (hành vi phạm tội xảy ra ngày 09/4/2019). Đến ngày 10/01/2020, bị cáo đã chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/9/2021. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Huy, sinh năm: 1984, tại phường C, thị xã Nghi Sơn, T Hóa;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Nam Châu, phường C, thị xã Nghi Sơn, tỉnh T Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Văn Tích và bà: Lê Thị Hiền; vợ: Đặng Thị Thùy Oanh (đã ly hôn); Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 73 ngày 29/9/2021, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương xử phạt 02 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy (hành vi phạm tội xảy ra ngày 26/3/2021).

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh T Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn T; sinh năm: 1982; tại xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương, tỉnh T Hóa;

Nơi cư trú: Thôn Ngọc Lâm, xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương, tỉnh T Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T (Đã chết) và bà: Nguyễn Thị Chính; vợ: Trần Thị Hằng (đã ly hôn); Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 07/10/2021, bị Công an thị xã Nghi Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/8/2021. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Ông Lê Ngọc H, Sinh năm 1965 (có mặt)

Trú tại: Tổ dân phố Nam Châu, phường C, thị xã Nghi Sơn, T Hóa

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông: Phạm Hữu B. Sinh năm 1962 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn Quỳnh Tín, xã V, huyện Nông Cống, tỉnh T Hóa.

*** Người làm chứng:**

- Anh Lê Đình Minh, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Trú tại: TDP Hòa B, phường C, thị xã Nghi Sơn, tỉnh T Hóa.

- Anh Đậu Đức Lợi, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Trú tại: Khối Trung Cấp, phường Long Sơn, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

- Bà Lê Thị Hồng, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Trú tại: Tiểu khu 5, phường Hải Hòa, thị xã Nghi Sơn, tỉnh T Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do trước đó biết được trong vườn nhà bà Trần Thị Nguyên ở cùng tổ dân phố Nam Châu, phường C, thị xã Nghi Sơn có để 01 chiếc máy phát điện gần bể nước, không có người trông coi, Lê Đình T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc máy bán lấy tiền tiêu, nên vào khoảng 20 giờ ngày 05 tháng 01 năm 2018, T một mình đi bộ đến nhà bà Nguyên, trèo qua tường rào phía đông vào vườn lấy trộm chiếc máy phát điện nâng đẩy qua bờ tường theo lối vào đưa chiếc máy ra bên ngoài, rồi đem cất giấu ở bụi cây gần nghĩa trang thuộc tổ dân phố Nam Châu, phường C. Sau đó, T đi về quán làm lớp của Huy ở cùng tổ dân phố, nói với Huy về việc mình vừa lấy trộm được chiếc máy phát điện và rủ Huy cùng đem chiếc máy đi tiêu thụ, Huy đồng ý. T dẫn Huy ra nơi cất giấu chiếc máy phát điện, cả hai khiêng chiếc máy về cất giấu ở phía sau quán làm lớp của Huy. Đến khoảng

07 giờ ngày 06/ 01/ 2018,Huy gọi điện cho Nguyễn Văn T, người xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương,nói với T về việc có chiếc máy phát điện trộm cắp cần tiêu thụ, nhờ T chở đi bán. T đồng ý, điều khiển xe ô tô BKS 29C-029.72 của mình đến quán làm lớp của Huy, rồi cùng với Huy và T đưa chiếc máy phát điện T trộm cắp lên xe ô tô, chở đến bán cho anh Phạm Hữu Bở thôn Quỳnh Tín, xã V, huyện Nông Công với giá 2.800.000đồng. Số tiền này,cả ba sử dụng đồ xăng xe ô tô hết 200.000 đồng, mua ma túy sử dụng chung hết 800.000 đồng; số tiền còn lại là 1.800.000đồng, T cầm giữ và tiêu xài cá nhân hết.

Quá trình điều tra xác định chiếc máy phát điện Lê Đình T trộm cắp nêu trên là tài sản của anh Lê Ngọc H (con trai bà Nguyễn); máy hiệu Honda, công suất 3KW. Kết quả định giá tài sản xác định, chiếc máy phát điện của anh H tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 3.200.000 đồng (BL 211,212).

Tại cơ quan điều tra, Lê Đình T thành khẩn khai báo hành vi trộm cắp và tiêu thụ chiếc máy phát điện như đã nêu trên, đồng thời T còn khai báo Huy là người đã chỉ điểm cho T biết trong vườn nhà bà Nguyễn có chiếc máy phát điện và bảo T lấy trộm. Tuy nhiên, Huy chỉ thừa nhận sau khi biết được T trộm cắp chiếc máy phát điện, Huy đã cùng với T cất giấu và đem đi tiêu thụ chiếc máy, còn Huy không thừa nhận việc chỉ điểm cho T lấy trộm chiếc máy; quá trình điều tra cũng không thu thập được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh sự việc này, nên không có căn cứ xác định Huy đồng phạm với T về hành vi trộm cắp tài sản.

Về phần Nguyễn Văn T, quá trình điều tra cũng đã thừa nhận hành vi sử dụng xe ô tô của bản thân cùng với T và Huy chở chiếc máy phát điện là tài sản do trộm cắp mà có đem bán. Đối với chiếc xe ô tô BKS 29C-029.72 T đã sử dụng trên là xe T mua lại sử dụng. Chiếc xe này sau đó T đã bán cho một người không quen biết được số tiền 200.000.000 đồng; số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm vật chứng là chiếc xe nêu trên nhưng không có kết quả.

Đối với Phạm Hữu B là người đã mua chiếc máy phát điện do T trộm cắp đem bán, quá trình điều tra đã xác định khi mua chiếc máy này, anh B không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, sau khi biết được thông tin về tài sản, anh B đã tự nguyện giao nộp chiếc máy cho Cơ quan điều tra xử lý theo quy định. Vì vậy hành vi của anh B không vi phạm pháp luật.

Về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các bị can, do thời điểm phát hiện hành vi đã quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý. Về nguồn gốc ma túy, các bị can khai nhận sau khi bán tài sản trộm cắp, các bị can đã mua ma túy sử dụng chung hết 800.000 đồng. Tuy nhiên, các bị can không biết danh tính, địa chỉ của người bán ma túy và không nhớ địa điểm mua ma túy nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra mở rộng vụ án.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, quá trình điều tra còn xác định vào ngày 29/8/2021, Nguyễn Văn T còn có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe kéo và 01 cầu sắt, với

tổng trị giá 1.000.000 đồng của gia đình ông Hoàng Viết Bằng ở tổ dân phố Yên Cầu, phường C, thị xã Nghi Sơn. Xét thấy hành vi này của Nguyễn Văn T không cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ cho Công an thị xã Nghi Sơn xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng của vụ án: Ngày 22/7/2021, anh Phạm Hữu B đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc máy phát điện nhãn hiệu Honda, công suất 3KW. Sau khi xác minh làm rõ nguồn gốc và định giá tài sản, xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc máy phát điện trên cho anh Lê Ngọc H, là chủ sở hữu tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Ngọc H đã nhận lại tài sản bị mất trộm; các bị can Lê Đình T, Huy và Nguyễn Văn T cũng đã tự nguyện hoàn trả cho anh Phạm Hữu B 2.800.000 đồng, tương ứng với số tiền anh B bỏ ra để mua chiếc máy. Sau khi nhận lại tài sản và tiền, anh H và anh B không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với Lê Đình T, Huy và Nguyễn Văn T.

Tại Bản Cáo trạng số 152/CT-VKSNS ngày 18/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn truy tố bị cáo Lê Đình T về tội: “trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Huy về tội: “chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự,

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

**Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS:* Xử phạt Lê Đình T 6 tháng đến 9 tháng tù (thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/9/2021).

**Áp dụng: Khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.*

Xử phạt Huy từ 6 tháng đến 9 tháng tù.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự, đề nghị tổng hợp hình phạt 02 năm tù của bản án số 73 ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương với hình phạt của bản án này, buộc Huy phải chịu hình phạt chung của hai bản án và được trừ thời gian bị cáo Huy đã chấp hành hình phạt của bản án trước.

**Áp dụng: Khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS.*

Xử phạt Nguyễn Văn T từ 6 tháng đến 9 tháng tù (Bị cáo được trừ thời gian đã tạm giam vào thời hạn chấp hành án).

Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

* **Về vật chứng:** Chiếc xe ô tô BKS 29C-029.72 là phương tiện thực hiện phạm tội, T đã bán 200 triệu đồng, tại phiên tòa T khai nhận là tài sản chung của vợ chồng, đề nghị không truy thu số tiền đã bán phương tiện trên.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên đề nghị không xem xét.

Tại phiên tòa các bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận đối với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo nhận thấy việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an thị xã Nghi Sơn, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, Điều tra viên, Kiểm sát viên VKSND thị xã Nghi Sơn trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận:

Khoảng 20 giờ ngày 05/01/2018, Lê Đình T đã lén lút đột nhập vào vườn nhà bà Trần Thị Nguyên ở tổ dân phố Nam Châu, phường C, thị xã Nghi Sơn trộm cắp 01 chiếc máy phát điện nhãn hiệu Honda, công suất 3KW, trị giá 3.200.000 đồng của anh Lê Ngọc H (con trai bà Nguyên).

Sau khi trộm cắp được chiếc máy phát điện, Lê Đình T nói với Huy về nguồn gốc tài sản trộm cắp, sau đó T và Huy đã đem máy phát điện trộm cắp được về cất giấu tại quán làm lớp của Huy. Đến ngày hôm sau (06/01/2018), Huy gọi điện rủ Nguyễn Văn T đi bán tài sản trộm cắp. Sau đó, T, Huy, T dùng xe ô tô của T chở chiếc máy phát điện đem đến bán cho anh Phạm Hữu B ở thôn Quỳnh Tiến, xã V, huyện Nông Công được số tiền 2.800.000 đồng. Số tiền này các bị cáo đã mua ma túy sử dụng chung và tiêu xài cá nhân hết.

Tại phiên tòa các bị cáo nhận tội, lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết quả định giá tài sản và tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Quyết định truy tố và lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát ND Thị xã Nghi Sơn là hoàn toàn có cơ sở. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Lê Đình T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc máy phát điện trị giá 3.200.000 đồng của anh Lê Ngọc H. Do đó hành vi của Lê Đình T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Huy đã có hành vi cất giữ sau

đó tham gia đem tiêu thụ 01 máy phát điện là tài sản do phạm tội mà có nên phạm tội: “Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Nguyễn Văn T tham gia đem tiêu thụ 01 máy phát điện là tài sản do phạm tội mà có nên phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự,

[3] Tính chất vụ án là nghiêm trọng:

Xuất phát từ động cơ mục đích muốn có tiền tiêu xài cá nhân, Lê Đình T đã lén lút bí mật thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Huy, Nguyễn Văn T biết rõ nguồn gốc tài sản do phạm tội mà có nhưng do tư lợi nên đã thống nhất tham gia tiêu thụ. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm thể hiện sự coi thường pháp luật, đã xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội, đồng thời xâm phạm đến trật tự công cộng. Do đó cần phải xử lý nghiêm tương xứng với tính chất mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo.

[4]. Xét vị trí vai trò của các bị cáo:

Trong vụ án “Trộm cắp tài sản” Lê Đình T tham gia với vai trò độc lập.

Trong vụ án: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”: Huy, Nguyễn Văn T cùng thống nhất thực hiện hành vi phạm tội; các bị cáo phạm tội dưới dạng đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết phân công vai trò một cách chặt chẽ, Huy là người chứa chấp tài sản trộm cắp, rủ T đi tiêu thụ tài sản trộm cắp, sau đó cùng T đem đi tiêu thụ nên Huy giữ vai trò thứ nhất; Nguyễn Văn T là người trực tiếp tham gia tiêu thụ tài sản trộm cắp nên giữ vai trò thứ hai sau Huy.

[5]. Xét Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

* *Về tình tiết tăng nặng*: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên cả 3 bị cáo đều có nhân thân xấu. Năm 2019, Lê Đình T bị xét xử về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tháng 9/ 2021 Huy bị xét xử về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tháng 10/2021 Nguyễn Văn T bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: “Trộm cắp tài sản”

* *Về tình tiết giảm nhẹ*

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội cả 3 bị cáo đều tự nguyện hoàn trả cho anh Phạm Hữu B 2.800.000 đồng là số tiền anh B bỏ ra để mua chiếc máy phát điện. Do đó cả 3 bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS, Bị cáo Nguyễn Văn T còn được hưởng hưởng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, giảm cho các bị cáo 1 phần hình phạt thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, vị trí, vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, HĐXX xét thấy, cả 3 bị cáo đều có

nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về các tội phạm ma túy, bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Do đó cần thiết phải tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo có thể giáo dục cải tạo trở thành người lương thiện (Thời gian các bị cáo bị tạm giữ tạm giam được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt). Do bị cáo Huy đang phải chấp hành bản án: “Mua bán trái phép chất ma túy” của Tòa án nhân dân Huyện Quảng Xương nên cần áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo.

[6]. Về vật chứng: Đối với chiếc xe ô tô BKS 29C-029.72 là phương tiện Nguyễn Văn T sử dụng để chở tài sản trộm cắp đem đi tiêu thụ, sau đó T đã bán cho một người không quen biết được 200 triệu đồng.

Quá trình xét hỏi tại phiên tòa Nguyễn văn T khai nhận, chiếc xe ô tô BKS 29C-029.72 là tài sản chung của vợ chồng T. Khi T lấy xe đi để chở tài sản trộm cắp đem đi tiêu thụ thì vợ T không biết, sau đó T đã đem bán xe cho người không quen biết. Do là tài sản chung của vợ chồng T nên Hội đồng xét xử không truy thu số tiền bán phương tiện trên.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho người bị hại. Trong giai đoạn điều tra các bị cáo cũng đã bồi thường lại số tiền bán tài sản trộm cắp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, nhận bồi thường và không có yêu cầu gì về phần dân sự. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Lê Đình T phạm tội " Trộm cắp tài sản"; Huy phạm tội “Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Nguyễn Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

** Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.*

Xử phạt: Lê Đình T 6 tháng tù (thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/9/2021).

** Căn cứ: Khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.*

Xử phạt Huy 9 (chín) tháng tù. Tổng hợp với 02 năm tù (24 tháng tù) tại bản án số 73 ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 33 tháng tù. Được trừ 07 tháng 26 ngày đã chấp hành hình phạt của bản án trước. Còn lại 25 (hai

lăm) tháng 4 (bốn) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/12/2021).

** Căn cứ: Khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự.*

Xử phạt Nguyễn Văn T 8 (tám) tháng tù (Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/8/2021).

*** Về trách nhiệm dân sự:** Công nhận các bị cáo T, Huy, T đã bồi thường lại số tiền bán tài sản trộm cắp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Buộc các bị cáo Lê Đình T, Huy, Nguyễn Văn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, bị hại. Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Đình Thuận

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- VKSND tỉnh T Hóa;
- Công an thị xã Nghi Sơn;
- CQ THAHS TX Nghi Sơn;
- CCTHADS TX Nghi Sơn;
- UBND nơi BC cư trú;
- Bị cáo; Người TGTT khác;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Đình Thuận

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Đình Thuận

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- VKSND tỉnh T Hóa;
- Công an thị xã Nghi Sơn;
- CQ THAHS TX Nghi Sơn;
- CCTHADS TX Nghi Sơn;
- UBND nơi BC cư trú;
- Bị cáo; Người TGT khác;
- Lưu HS.

Mai Đình Thuận

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Đình Thuận

